

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓT TẮT

Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	492,273,867,806	295,349,883,713
1	Tiền	219,494,590,687	94,365,559,578
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	89,285,759,200	121,006,987,134
	- Chứng khoán tự doanh	89,952,598,192	140,104,834,611
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(666,838,992)	(19,097,847,477)
3	Các khoản phải thu	176,505,481,671	72,192,170,435
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,988,036,248	7,785,166,566
II	Tài sản dài hạn	9,270,343,707	14,791,447,904
1	Tài sản cố định	6,872,343,707	5,195,190,310
	- Tài sản cố định hữu hình	6,398,759,704	4,838,136,234
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	473,584,003	357,054,076
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	2,278,000,000	8,956,500,000
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	120,000,000	639,757,594
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	501,544,211,513	310,141,331,617
IV	Nợ phải trả	392,861,264,591	96,662,195,408
1	Nợ ngắn hạn	392,861,264,591	96,662,195,408
2	Nợ dài hạn		
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	108,682,946,922	213,479,136,209
1	Vốn góp ban đầu	80,000,000,000	260,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	28,682,946,922	(46,520,863,791)
4	Vốn điều chỉnh		
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	501,544,211,513	310,141,331,617

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	83,569,181,930	39,525,695,242
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	470,939,478
3	Doanh thu thuần	83,569,181,930	39,054,755,764
4	Thu lãi đầu tư	782,352,904	5,621,509,399
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	84,351,534,834	44,676,265,163
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	24,883,290,141	102,876,348,658
7	Lợi nhuận gộp	59,468,244,693	(58,200,083,495)
8	Chi phí quản lý	17,079,318,505	19,402,145,500
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	42,388,926,188	(77,602,228,995)
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	(2,808,807,531)	89,873,282
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	39,580,118,657	(77,512,355,713)
12	Lợi nhuận tính thuế(Lợi nhuận trước thuế-lãi đầu tư)	38,918,470,483	-
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10,897,171,735	
14	Lợi nhuận sau thuế	28,682,946,922	
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(nếu có)		
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu(nếu có)		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN				
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1.85	4.77
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	98.15	95.23
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78.33	31.17
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21.67	68.83
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1.25	3.06
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.25	3.06
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5.72	-24.99
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	34.32	-198.47
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	26.39	-36.31

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2008

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN ĐỖ LĂNG